

# KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 -2026 GHÉP 3,4,5 TUỔI

## I.MỤC TIÊU, NỘI DUNG

| TT                              | Độ tuổi | Mục tiêu                                                                                                                                             | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                        | Chủ đề thực hiện | Điều chỉnh |
|---------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------|
|                                 |         |                                                                                                                                                      | Chung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Riêng                                                                                                                                                  |                  |            |
| 1. Lĩnh vực phát triển thể chất |         |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                        |                  |            |
| a. Phát triển vận động          |         |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                        |                  |            |
| 1.                              | 3       | - Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.                                                                                | * 3,4,5 tuổi: Hô hấp: Hít vào, thở ra.<br>- Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang 2 bên( kết hợp với bẫy bàn tay, nắm, mở bẫy tay quay cổ tay, kiễng chân).<br>- Co và duỗi tay (vỗ 2 tay vào nhau, phía trước, phía sau, trên đầu; kết hợp kiễng chân; hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao).        | - Bước lên phía trước, bước sang ngang<br>- Co duỗi chân                                                                                               | 1->9             |            |
| 2.                              | 4       | - Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh                                                           | - Nhún chân.<br>- Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                        |                  |            |
| 3.                              | 5       | - Thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp | - Cúi về phía trước, ngửa người ra sau( kết hợp giơ tay lên cao, chân bước sang phải, sang trái).<br>- Quay sang trái, sang phải( kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái).<br>- Nghiêng người sang trái, sang phải( kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái). | - Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.<br>- Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau. |                  |            |

|    |   |                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                         |           |  |
|----|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
|    |   |                                                                                                                                                                                                                                                              | * 3,4 tuổi<br>- Ngồi xổm, đứng lên; bật tại chỗ                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                         |           |  |
| 4. | 3 | - Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:<br>+ Đi hết đoạn đường hẹp (3,5m x 0,2m).<br>+ Đi kiễng gót liên tục 3m.                                                                                                                            | *3,4,5 tuổi:<br>- Bật xa 25-30cm, 35-40cm, 40-50cm<br>* 3,4 tuổi :<br>- Đi kiễng gót<br>* 4,5 tuổi:<br>- Nhảy lò cò 3-5m<br>- Bật qua bật cản 10-15, 15,20<br>- Bật nhảy từ trên cao xuống 30-35cm, 40-45 cm<br>- Bật tách khớp chân qua 5-7 ô<br>- Đi trên vạch kẻ trên sàn, trên dây<br>- Bật liên tục vào vòng | - Đi trong đường hẹp.<br>- Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát<br>- Bật nhảy tại chỗ<br>- Bật tiến về phía trước                                                                         | 1,2,3,4,7 |  |
| 5. | 4 | - Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:<br>+ Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ trên sàn<br>+ Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | - Đi khụy gối<br>- Đi bước lùi<br>- Đi trên ghế thể dục                                                                                                                                 | 1-> 9     |  |
| 6. | 5 | - Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:<br>+ Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3m.<br>+ Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục.<br>+ Đứng một chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | - Đi bằng mép ngoài bàn chân.<br>- Đi trên ván kê dốc.<br>- Đi nổi bàn chân tiến, lùi<br>- Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát<br>- Đứng một chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây | 1-> 9     |  |
| 7. | 3 | - Trẻ kiểm soát được vận động:<br>+ Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.<br>+ Chạy liên tục trong đường dích dắc (3 - 4                                                                                                                              | *3,4,5 T:<br>- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh                                                                                                                                                                                                                                                            | - Đi theo đường dích dắc<br>- Chạy thay đổi hướng theo                                                                                                                                  | 4, 6,7,9  |  |

|     |   |                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                             |                                                                                                                                         |             |  |
|-----|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--|
|     |   | điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                             | đường đích dắc                                                                                                                          |             |  |
| 8.  | 4 | - Trẻ kiểm soát được vận động:<br>+ Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc).                                                                                                                          |                                                                                                                             | - Đi thay đổi hướng đích dắc theo vật chuẩn<br>- Chạy thay đổi hướng theo vật chuẩn                                                     | 4,6,7,9     |  |
| 9.  | 5 | - Trẻ có khả năng kiểm soát được vận động:<br>+ Đi/ Chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu ( đổi hướng ít nhất 3 lần).                                                                                                                        |                                                                                                                             | - Đi thay đổi hướng đích dắc theo hiệu lệnh<br>- Chạy thay đổi hướng theo hiệu lệnh.                                                    | 4,6,7,9     |  |
| 10. | 3 | - Trẻ biết Phối hợp tay-mắt trong vận động:<br>+ Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m)<br>+ Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).                                                         | * 4,5 T:<br>- Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay<br>- Tung bắt bóng với người đối diện<br>- Ném trúng đích thẳng đứng | - Tung bóng cho cô<br>- Bắt và tung bóng với cô bằng 2 tay<br>- Tập đập-bắt bóng với cô<br>- Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, dọc | 1,2,3,5,6,8 |  |
| 11. | 4 | - Trẻ biết phối hợp tay-mắt trong vận động:<br>+ Tung bắt bóng với người đối diện (cô/ bạn): bắt được 3 lần liên tiếp không làm rơi bóng (khoảng cách 3m).<br>+ Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m).<br>+ Tự đập bắt bóng 4-5 lần liên tiếp |                                                                                                                             | - Đập bóng xuống sàn và bắt bóng khi bóng nảy lên<br>- Chuyển bắt bóng qua đầu<br>- Chuyển, bắt bóng                                    | 1,2,3,5,6,8 |  |

|     |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |               |  |
|-----|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--|
|     |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | qua chân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |               |  |
| 12. | 5 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động:</li> <li>+ Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m).</li> <li>+ Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m).</li> <li>+ Đi, đập và bắt bóng nảy 4-5 lần liên tiếp</li> </ul>                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi vừa đập - bắt bóng</li> <li>- Chuyển bóng bằng 2 tay qua đầu, ra phía trước.</li> <li>- Chuyển bắt bóng trên đầu, qua chân</li> </ul>                                                                                                                                                          | 1,2,3,5,6,8   |  |
| 13. | 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</li> <li>+ Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng.</li> <li>+ Ném trúng đích ngang (xa 1,5-2 m).</li> <li>+ Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>* 3,4,5 tuổi:</li> <li>- Ném xa bằng 1 tay</li> <li>- Bò trong đường đích dắc</li> <li>* 3,4 tuổi : Ném trúng đích nằm ngang</li> <li>- Trườn chui qua cổng</li> <li>* 4,5 tuổi:</li> <li>- Chạy 18-20m trong khoảng 10 giây</li> <li>- Chạy chậm (60 – 80, 100- 120m)</li> <li>- Bò bằng bàn tay và bàn chân (3-4m, 4-5m)</li> <li>- Bò chui qua ống dài (1,2 x 0,6 m, 1,5m x 0,6m).</li> <li>- Trèo lên, xuống 5-7 giống thang</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng</li> <li>- Ném xa bằng 2 tay</li> <li>- Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.</li> <li>- Bò theo hướng thẳng</li> <li>- Bò chui qua cổng</li> <li>- Trườn theo hướng thẳng</li> <li>- Bước lên, bật xuống bậc cao (cao 30cm)</li> </ul> | 1,3->8        |  |
| 14. | 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</li> <li>+ Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong khoảng 10 giây</li> <li>+ Ném trúng đích ngang (xa 2 m)</li> </ul>                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trèo qua ghế dài</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1,3,4,5,6,7,9 |  |

|     |   |                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                   |               |  |
|-----|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--|
|     |   | - Bò trong đường đích dắc (5-7 điểm đích dắc, cách nhau 2m không lệch ra ngoài)                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                   |               |  |
| 15. | 5 | - Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:<br>+ Chạy liên tục theo hướng thẳng 20 m trong khoảng 10s<br>+ Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 2 m)<br>+ Bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | - Ném trúng đích đứng<br>- Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5x30cm                                                | 1,3,4,5,6,7,9 |  |
| 16. |   | - Trẻ thực hiện được các vận động:<br>+ Xoay tròn cổ tay.<br>+ Gập, đan ngón tay vào nhau                                                                                                                                                        | *3,4,5T:<br>- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay(Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay, Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vè, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi....)<br>+ Cài, cởi cúc<br>+ Xé( đường thẳng, vòng cung<br>+ Tô( đồ theo nét, | - Đan, tết.<br>- Xếp chồng các hình khối khác nhau.<br>- Dán giấy.<br>- Sử dụng kéo, bút.<br>- Tô vẽ nguệch ngoạc |               |  |
| 17. | 3 | - Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động.<br>+ Vẽ được hình tròn theo mẫu.<br>+ Cắt thẳng được một đoạn 10cm.<br>+ Xếp chồng 8-10 khối không đổ.<br>+ Tự cài, cởi cúc.                                          | hình)<br>* 4,5 T<br>+ Xâu,buộc dây<br>+ Cắt (Đường thẳng,vòng cung)<br>+ Lắp ráp( Ghép hình)                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                   | 1->9          |  |
| 18. |   | - Trẻ thực hiện được các vận động:<br>+ Cuộn - xoay tròn cổ tay<br>+ Gập, mở các ngón tay                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | - Gập giấy<br>- Vẽ hình.                                                                                          |               |  |
| 19. | 4 | - Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:<br>+ Vẽ hình người, nhà, cây.                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                   |               |  |

|     |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |                                                                                                                             |  |  |
|-----|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
|     |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cắt thành thạo theo đường thẳng.</li> <li>+ Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối.</li> <li>+ Biết tết sợi đôi <b>theo sự hướng dẫn của cô.</b></li> <li>+ Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                      |  |                                                                                                                             |  |  |
| 20. |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ thực hiện được các vận động:</li> <li>+ Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay.</li> <li>+ Gập, mở lần lượt từng ngón tay.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                   |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bẻ nắn</li> <li>- Đồ theo nét.</li> <li>+ Kéo khóa (Phéc mơ tuya), luồn</li> </ul> |  |  |
| 21. | 5 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:</li> <li>+ Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.</li> <li>- Cắt được theo đường viền của hình vẽ.</li> <li>+ Xếp chồng 12- 15 khối theo mẫu.</li> <li>+ Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.</li> <li>+ Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya)</li> </ul> |  |                                                                                                                             |  |  |

**b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe**

|     |   |                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                   |     |  |
|-----|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|--|
| 22. |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc của địa phương khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (<i>thịt, cá, trứng, sữa, rau,...</i>).</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>* 3,4,5 tuổi</li> <li>- Nhận biết một số thực phẩm <b>món ăn quen thuộc của địa phương</b></li> <li>- Nhận biết các bữa ăn trong ngày (<b>Thịt xào rau củ quả, trứng rán, canh rau, một số món ăn của địa phương</b> (Thịt luộc, rau luộc,</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số món ăn quen thuộc.</li> <li>- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh (<b>Con xin cô đi vệ sinh, con muốn thay</b></li> </ul> | 1,2 |  |
| 23. | 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết tên một số món ăn hàng ngày: <b>Thịt xào rau củ quả, trứng rán, canh rau...một số món</b></li> </ul>                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                   | 1,2 |  |

|     |   |                                                                                                                                                            |                                                                                             |                                                                                                                                                      |     |  |
|-----|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|--|
|     |   | ăn của địa phương: Măng đắng, rau luộc, thịt lợn,...                                                                                                       | măng đắng,...) và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất                                   | quần áo, con xin cô bát cơm...).                                                                                                                     |     |  |
| 24. |   | - Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.                                                                        | - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng ...). |                                                                                                                                                      | 2   |  |
| 25. |   | - Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm:<br>+ Thịt cá,... có nhiều chất đạm<br>+ Rau, quả chín có nhiều vitamin                                              |                                                                                             | - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng)                                                            | 1,2 |  |
| 26. | 4 | - Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...      |                                                                                             | - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.                                                                                     | 2   |  |
| 27. |   | - Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.                                                    |                                                                                             |                                                                                                                                                      | 1,2 |  |
| 28. |   | - Trẻ biết lựa chọn một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:<br>+ Thực phẩm giàu chất đạm: thịt cá...<br>+ Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: Rau, quả. |                                                                                             | - Phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.<br>- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống. | 2   |  |
| 29. | 5 | - Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...      |                                                                                             |                                                                                                                                                      | 1,2 |  |
| 30. |   | - Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước                                                                |                                                                                             |                                                                                                                                                      | 2   |  |

|     |   |                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                  |                                                      |       |  |                                     |
|-----|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------|--|-------------------------------------|
|     |   | ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.                                                                                                                                                                           |                                                                                                                  |                                                      |       |  |                                     |
| 31. | 3 | - Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn<br>+ Trẻ biết rửa tay, lau mặt, súc miệng.<br>+ Tháo tất, cởi quần, áo....                                                                                                  | * 3,4,5 tuổi<br>- Tập đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng<br>* 4,5 tuổi<br>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định. | - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. | 1,2,9 |  |                                     |
| 32. |   | - Sử dụng bát thìa cốc đúng cách.                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                  |                                                      |       |  |                                     |
| 33. | 4 | - Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở:<br>+ Biết rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng.<br>+ Biết tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.                                                                                            |                                                                                                                  |                                                      |       |  |                                     |
| 34. |   | - Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.                                                                                                                                                                            |                                                                                                                  |                                                      |       |  |                                     |
| 35. | 5 | - Trẻ thực hiện được một số công việc đơn giản:<br>+ Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.<br>+ Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào đúng nơi quy định.<br>+ Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội / giặt nước cho sạch. |                                                                                                                  |                                                      |       |  | - Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách |
| 36. |   | - Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                  |                                                      |       |  |                                     |
| 37. | 3 | - Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống                                                                                                                                                                                  | * 3,4,5 tuổi<br>- Tập luyện một số thói quen tốt về                                                              |                                                      |       |  |                                     |

|     |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                              |     |   |
|-----|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|
|     |   | nước đã đun sôi...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | giữ gìn sức khỏe.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                              |     |   |
| 38. |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</li> <li>+ Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.</li> <li>+ Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu</li> </ul>                                                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.</li> <li>- Nhận biết, lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết</li> <li>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm * 4,5 tuổi</li> <li>+ Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết</li> </ul> |                                                                                              | 3,8 |   |
| 39. | 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống:</li> <li>+ Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ.</li> <li>+ Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau...</li> <li>+ Không uống nước lã</li> </ul>                                                                                                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách phòng tránh đơn giản.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                              |     |   |
| 40. |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</li> <li>+ Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.</li> <li>+ Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...</li> <li>+ Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</li> <li>+ Bỏ rác đúng nơi quy định.</li> </ul> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                              | 2,3 |   |
| 41. | 5 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống:</li> <li>+ Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.</li> <li>+ Không đùa nghịch,</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết</li> </ul> |     | 4 |

|     |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |         |  |
|-----|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------|--|
|     |   | không làm đồ vãi thức ăn.<br>+ Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.<br>+ Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |         |  |
| 42. |   | - Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:<br>+ Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.<br>+ Ra nắng đội mũ: Đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh.<br>+ Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...<br>+ Che miệng khi ho, hắt hơi.<br>+ Đi vệ sinh đúng nơi quy định.<br>+ Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp. |                                                                                                                                                                                                                                                                  |  | 2,3,8   |  |
| 43. |   | - Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm ( <b>Dao kéo, cuốc xẻng, liềm, bếp đang đun, phích nước nóng...</b> ) khi được nhắc nhở.                                                                                                                                                                                                                                              | * 3.4.5 tuổi<br>Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng (Búa, liềm, dao, cuốc, xẻng,...); Không leo trèo cửa sổ, không chui bụi rậm, không tắm ao, suối, nhét các hạt vào tai mũi... |  |         |  |
| 44. | 3 | - Biết tránh nơi nguy hiểm ( <b>Ao, nương nước, suối, bể chứa nước, trèo lăn can, trèo tường</b> ) khi được nhắc nhở.                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                  |  | 2,3,4,8 |  |
| 45. |   | - Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:<br>+ Không cưỡi dừa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....<br>+ Không tự lấy thuốc                                                                                                                                                                                                                  | - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người                                                                                                                                                                                                              |  |         |  |

|     |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |         |  |
|-----|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------|--|
|     |   | <p>uống.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Không leo trèo bàn ghế, lan can.</li> <li>+ Không nghịch các vật sắc nhọn.</li> <li>+ Không <b>theo nhận quà của người</b> lạ ra khỏi khu vực trường</li> </ul> <p>lớp <b>khi chưa được cho phép.</b></p>                                                                                                                                                                     | <p>giúp đỡ: Biết tránh và báo người lớn khi bị người lớn xâm hại (người lạ sờ vào bộ phận sinh dục, kêu cứu khi bị bắt cóc dọa nạt,...);</p> <p>Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc, nói được tên bản, tên xã khi bị lạc, biết báo người lớn khi thấy mệt, sốt, đau</p> |  |         |  |
| 46. | 4 | - Nhận ra ( <b>Búa, liềm, dao, cuốc, xẻng</b> ) .... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                       |  | 3,4,7,8 |  |
| 47. |   | - Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                       |  | 8       |  |
| 48. |   | <p>- Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....</li> <li>+ Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.</li> <li>+ Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.</li> </ul> |                                                                                                                                                                                                                                                                       |  | 1,2,5,8 |  |
| 49. |   | <p>4.4. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ <b>biết tránh và báo người lớn khi bị các hành động xâm hại</b></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |         |  |

|     |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |         |  |
|-----|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|---------|--|
|     | 4 | <p>(Người lạ sờ vào bộ phận sinh dục, kêu cứu khi bị người khác dọa nạt...)</p> <p>- Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.</p> <p>- Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.</p>                              |  |  | 2,3,7,8 |  |
| 50. | 5 | <p>Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng....là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.</p>                                                                                                                                                                          |  |  | 3,4     |  |
| 51. |   | <p>- Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.</p>                                                                                                                                                                                                                 |  |  | 8       |  |
| 52. |   | <p>- Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:</p> <p>+ Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,....</p> <p>+ Biết không tự ý uống thuốc.</p> <p>+ Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.</p> |  |  | 1,2,3   |  |
| 53. |   | <p>- Trẻ nhận biết được một số trường hợp</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |  |         |  |

|                                         |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                          |                                                                                                                       |               |  |
|-----------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--|
|                                         | 5 | <p>không an toàn và gọi người giúp đỡ</p> <p>+ Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ...</p> <p>+ Biết tránh một số trường hợp không an toàn:</p> <p>+ Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.</p> <p>+ Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.</p> <p>+ Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ</p> |                                                                          |                                                                                                                       | 1,2,3,7,9     |  |
| 54.                                     |   | <p>- Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:</p> <p>+ Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.</p> <p>+ Đi bộ trên hè, <b>Đi về phía bên phải đường</b>,; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.</p> <p>+ Không leo trèo cây, ban công, tường rào...</p> <p>- <b>Trẻ biết tham gia hoạt động học tập liên tục không mệt mỏi trong khoảng 30 phút</b></p> <p>- <b>Trẻ biết giữ đầu tóc gọn gàng</b></p>                     |                                                                          | <p>- Tham gia hoạt động học tập liên tục không mệt mỏi trong khoảng 30 phút</p> <p>- Giữ đầu tóc quần áo gọn gàng</p> | 1,6,7,9       |  |
| <b>2. Giáo dục phát triển nhận thức</b> |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                          |                                                                                                                       |               |  |
| <b>a. Khám phá khoa học</b>             |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                          |                                                                                                                       |               |  |
| 55.                                     | 3 | <p>- Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi ở địa phương như chăm chú</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <p>* 3,4,5 tuổi.</p> <p>- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương</p> |                                                                                                                       | 1,2,4,5,7,8,9 |  |

|     |   |                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |              |  |
|-----|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------|--|
|     |   | quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.                                                                                                                                                              | tiện giao thông quen thuộc.<br>- Chức năng của các giác quan và một số ; các bộ phận khác của cơ thể.<br>- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.<br>- Đặc điểm nổi bật và lợi ích của con vật, cây hoa, quả quen thuộc( tác hại đối với con người; tác hại của con vật, cây, hoa ,quả)<br>- Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông.<br>* 4,5T:<br>- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.<br>- Quan sát, phán đoán giữa con vật, cây với môi trường sống.<br>- So sánh sự giống và khác nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.<br>- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo( 1-2, 2-3 dấu |  |              |  |
| 56. |   | - Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  | 2,4,5,6, 7,8 |  |
| 57. |   | - Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  | 6, 8         |  |
| 58. |   | - Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  | 2,3,7,8, 9   |  |
| 59. |   | Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  | 1,3,8        |  |
| 60. | 4 | - Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?” .... |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  | 1,2,4,6, 7,8 |  |
| 61. |   | - Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  | 1,2,6,7, 8   |  |

|     |   |                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                       |            |  |
|-----|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------|--|
| 62. |   | - Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.                                                             | hiệu)<br>- Phân loại một số phương tiện giao thông theo ( 1-2, 2,3 dấu hiệu)<br>- So sánh sự giống nhau và khác nhau của ( 2 con vật, cây, hoa, quả - Một số con vật, cây, hoa, quả)<br>- Phân loại cây, hoa, quả, con vật ( Theo 1-2, 2-3 dấu hiệu)<br>* 3,4,5 tuổi                      |                                                                                       | 1,2,7,8    |  |
| 63. |   | - Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                       | 2,3,6->9   |  |
| 64. |   | Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                       | 2,3->9     |  |
| 65. |   | - Trẻ biết tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa? ....                                                                                  | - Tên gọi của một số thiên tai hay xảy ra tại địa phương: Mưa lũ, sạt lở, lũ quét, giông bão, sấm sét, mưa đá... hậu quả của một số thiên tai. thiệt hại nhà cửa, con người, vật nuôi, hòa màu. Biết cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai: Trồng cây xanh, giữ gìn bảo vệ môi trường,... | - Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật. | 8          |  |
| 66. | 5 | - Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                       | 4,6        |  |
| 67. |   | - Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển. |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                       | 1,3,5,7, 8 |  |

|     |   |                                                                                                                                      |                                                                                                                        |                                                                   |                  |  |
|-----|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------|--|
|     | 5 |                                                                                                                                      |                                                                                                                        |                                                                   | 1,2,3,5,<br>7->9 |  |
| 68. |   | Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.          |                                                                                                                        |                                                                   |                  |  |
| 69. |   | - Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau                                                                     |                                                                                                                        |                                                                   | 1,3,6,7,<br>8    |  |
| 70. | 3 | - Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi                                            | * 3,4,5 tuổi<br>- Quan sát,phán đoán, mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. |                                                                   | 6,7,8            |  |
| 71. | 4 | - Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”. | - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi,                                                                        |                                                                   | 8                |  |
| 72. |   | - Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.        |                                                                                                                        |                                                                   | 7,8              |  |
| 73. | 5 | - Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.           |                                                                                                                        |                                                                   | 8                |  |
| 74. |   | - Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau                                                                        |                                                                                                                        |                                                                   |                  |  |
| 75. | 3 | - Trẻ biết mô tả 1 số dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo                                         | * 3,4,5 tuổi.<br>- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của chúng đến sinh hoạt của trẻ; con người; thú tự    | - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.<br>- Một số nguồn nước | 5,6,7,8          |  |
| 76. |   | - Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm                                                                  |                                                                                                                        |                                                                   |                  |  |

|     |   |                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                     |                                                                                 |       |  |
|-----|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------|--|
|     |   | nhạc, tạo hình...                                                                                                                                                                                                              | các mùa.<br>- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.<br>- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.                                        | trong sinh hoạt hằng ngày.<br>- Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày | 7,6,8 |  |
| 77. | 4 | - Trẻ biết nhận xét trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.                                                                                                                          | * 4,5 tuổi.<br>- Sự khác nhau giữa ngày và đêm<br>- Một số tính chất của nước.                                                                                      |                                                                                 | 5,6,8 |  |
| 78. |   | - Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                     |                                                                                 | 6,8,9 |  |
| 79. | 5 | - Trẻ biết nhận xét thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của đối tượng được quan sát.                                                                                                                               | - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước, và cách bảo vệ nguồn nước.<br>- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. | - Sự khác nhau giữa mặt trời, mặt trăng.                                        | 5,6,8 |  |
| 80. |   | - Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...<br>- Trẻ biết dự đoán 1 số hiện tượng tự nhiên, đơn giản sắp xảy ra (Trời mưa, trời sắp mưa, có cầu vồng, giông sét, trời rét, trời nóng,...) |                                                                                                                                                                     |                                                                                 | 6,8,9 |  |

**b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán**

|     |   |                                                                                                                                     |                                                                                                             |               |           |  |
|-----|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------|--|
| 81. |   | - Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.               | * 3,4,5 t:<br>- Đếm trên đối tượng trong ( phạm vi 5 và đếm theo khả năng, phạm vi 10 và đếm theo khả năng) | - 1 và nhiều. | 1,3,4,5,9 |  |
| 82. |   | - Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.                                                                          | * 4,5 t:                                                                                                    |               |           |  |
| 83. | 3 | - Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít | - Chữ số, số lượng và số thứ tự ( trong phạm vi 5, trong phạm vi 10)<br>- Nhận biết ý nghĩa các con số      |               |           |  |

|     |   |                                                                                                                                               |                                                                               |   |             |  |
|-----|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---|-------------|--|
|     |   | hơn.                                                                                                                                          | được sử dụng                                                                  |   |             |  |
| 84. |   | - Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.                                                                   | trong cuộc sống hằng ngày( số nhà, biển số xe...)                             |   | 1,4,5,9     |  |
| 85. |   | - Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.                                                                | * 3,4 t:<br>- xếp tương ứng 1-1, ghép đôi<br>- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. |   |             |  |
| 86. | 4 | - Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...                                         | - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.                             | . |             |  |
| 87. |   | - Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.                                                                                               |                                                                               |   | 1,3,4,5,9   |  |
| 88. |   | - Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. |                                                                               |   |             |  |
| 89. |   | - Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.                                                            |                                                                               |   | 1,4,5,9     |  |
| 90. |   | Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.                                                                                      |                                                                               |   |             |  |
| 91. |   | - Trẻ có thể sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.                                                                                |                                                                               |   |             |  |
| 92. |   | - Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày                                                                     |                                                                               |   | 7           |  |
| 93. | 5 | - Trẻ quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...                                                |                                                                               |   |             |  |
| 94. |   | - Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.                                                                          | - Gộp / tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.               |   | 1,3,4,5,7,9 |  |

|      |   |                                                                                                                                                         |                                                                             |                                                     |         |  |
|------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------|--|
| 95.  |   | - Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất. |                                                                             | - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.  |         |  |
| 96.  |   | - Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.                                                                                              |                                                                             |                                                     |         |  |
| 97.  |   | - Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.                                                             |                                                                             |                                                     | 1,4,5,9 |  |
| 98.  |   | - Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.                                                                       |                                                                             |                                                     | 7       |  |
| 99.  |   | - Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.                                                                                      |                                                                             |                                                     | 7       |  |
| 100. | 3 | - Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.                                                                                           | * 4,5 tuổi<br>- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. | - Xếp xen kẽ<br>- So sánh 2 đối tượng về kích thước | 6       |  |
| 101. | 4 | - Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.                                                                                  |                                                                             |                                                     |         |  |
| 102. | 5 | - Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.                                                                                  |                                                                             |                                                     |         |  |
| 103. |   | - Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.                                                                                                    |                                                                             | - Tạo ra quy tắc sắp xếp.                           |         |  |
| 104. |   | - Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp                                                                                                  |                                                                             |                                                     |         |  |
| 105. | 3 | - Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ : To hơn /nhỏ hơn ; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn / thấp hơn;                               | * 4,5 tuổi<br>- Đo độ dài một vật ( bằng một đơn vị đo, bằng các            |                                                     | 6       |  |

|      |   |                                                                                                      |                                                                                          |                                                                                                                                                                       |       |  |
|------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|--|
|      |   | bằng nhau.                                                                                           | đơn vị đo khác nhau)<br>đo.                                                              |                                                                                                                                                                       |       |  |
| 106. | 4 | - Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.       |                                                                                          | - Đo dung tích bằng một đơn vị                                                                                                                                        | 6,8   |  |
| 107. | 5 | - Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.                               |                                                                                          | - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.<br>- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.                                                       |       |  |
| 108. | 3 | - Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật                                 | * 4,5 tuổi.<br>Chắp ghép các hình học để tạo thành hình mới theo ý thích và theo yêu cầu | - Nhận biết gọi tên các hình: hình Tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật và nhận diện các hình đó trong thực tế.<br><br>- Sử dụng các hình học để chắp ghép. | 3,4,6 |  |
| 109. | 4 | - Trẻ có thể chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...) |                                                                                          | - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ                                                                     |       |  |
| 110. |   | - Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản                                |                                                                                          |                                                                                                                                                                       |       |  |

|      |   |                                                                                                               |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                          |   |  |
|------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
|      |   |                                                                                                               |                                                                                                                                                           | nhật                                                                                                                                                                     | 3 |  |
| 111. | 5 | - Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và trụ, khối vuông và khối chữ nhật. |                                                                                                                                                           | - Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối đó trong thực tế<br>- Tạo ra một số hình hình học phẳng bằng các cách khác nhau | 3 |  |
| 112. | 3 | - Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so bản thân.             | * 4,5 tuổi<br>- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác, (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái). | - Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.                                                                              | 2 |  |
| 113. | 4 | - Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.                           |                                                                                                                                                           | - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.                                                                                                                            | 2 |  |
| 114. |   | - Trẻ biết mô tả 1 số sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.                                      |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                          |   |  |
| 115. | 5 | - Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật làm chuẩn.                                   |                                                                                                                                                           | - Xác định vị trí của đồ vật với một vật nào đó làm chuẩn.                                                                                                               | 2 |  |
| 116. |   | - Trẻ gọi đúng tên các ngày trong tuần, các mùa trong năm.                                                    |                                                                                                                                                           | - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.<br>- Gọi tên                                                                                                                     | 7 |  |

|                           |   |                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                     |                       |  |
|---------------------------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|--|
|                           |   |                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | các ngày<br>trong tuần              |                       |  |
| <b>C. Khám phá xã hội</b> |   |                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                     |                       |  |
| 117.                      | 3 | - Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.                                         | * 3,4,5 tuổi.<br>- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.<br>- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình. ( <b>tên bản, tên xã</b> )<br>- Tên lớp mẫu giáo, tên công việc của cô giáo.<br>- Tên các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.<br>* 4,5 tuổi<br>- Đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.<br>- Đặc điểm của các bạn.<br>- Một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.<br>- Biết công việc của cô giáo và các cô bác trong trường. | - Biết tên đồ dùng, đồ chơi của lớp | 2                     |  |
| 118.                      |   | - Trẻ nói được tên của bố, mẹ và thành viên trong gia đình.                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                     | 3                     |  |
| 119.                      |   | - Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                     |                       |  |
| 120.                      |   | - Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                     | 1                     |  |
| 121.                      | 4 | - Trẻ nói tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                     | 2                     |  |
| 122.                      |   | - Trẻ nói họ, tên và công việc của bố, mẹ thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                     | 3                     |  |
| 123.                      |   | - Trẻ nói địa chỉ của gia đình mình ( <b>tên bản, tên xã</b> ) khi được hỏi trò chuyện.                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                     |                       |  |
| 124.                      |   | - Trẻ nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                     | 1                     |  |
| 125.                      |   | - Trẻ nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                     |                       |  |
| 126.                      |   | Trẻ nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                     |                       |  |
| 127.                      |   | - Trẻ nói đúng họ, tên, giới tính của bản                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                     | - Nói được ngày sinh, |  |
|                           | 5 |                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                     | 2                     |  |

|      |   |                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                      |                                                                                                                       |   |  |
|------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|
|      |   | thân khi được hỏi, trò chuyện.                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                      | vị trí của trẻ trong gia đình.<br>- Đặc điểm của trường, lớp mầm non.<br>- Sở thích của các thành viên trong gia đình |   |  |
| 128. |   | - Trẻ nói tên, tuổi giới tính, công việc hàng ngày của 1 số thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.                                           |                                                                                                                                                      |                                                                                                                       | 3 |  |
| 129. |   | - Trẻ nói địa chỉ gia đình mình (bản, xã ) số điện thoại (nếu có)...khi được hỏi trò chuyện ...                                                                                |                                                                                                                                                      |                                                                                                                       | 3 |  |
| 130. |   | - Trẻ nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.                                                                              |                                                                                                                                                      |                                                                                                                       |   |  |
| 131. |   | - Trẻ nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.                                                                          |                                                                                                                                                      |                                                                                                                       | 1 |  |
| 132. |   | - Trẻ nói tên và đặc điểm của các bạn trong lớp, khi được hỏi, trò chuyện.                                                                                                     |                                                                                                                                                      |                                                                                                                       |   |  |
| 133. | 3 | - Trẻ biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng...khi được hỏi, xem tranh.                                                                                 | * 3,4,5 tuổi.<br>- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến . (Nghề làm nương, làm ra lúa gạo, nghề thợ mộc làm nên những ngôi nhà,...) |                                                                                                                       |   |  |
| 134. | 4 | - Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện. (Nghề làm nương, làm ra lúa gạo, nghề thợ mộc làm nên những ngôi nhà,...) | * 4,5 tuổi.<br>- Công cụ, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.                                          |                                                                                                                       | 4 |  |
| 135. | 5 | - Trẻ nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề . ví dụ: nói "nghề nông làm ra lúa gạo,                                                                                     |                                                                                                                                                      |                                                                                                                       |   |  |

|      |   |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                           |         |  |
|------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--|
|      |   | nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới..."                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                           |         |  |
| 136. | 3 | - Trẻ biết kể tên một số lễ hội: ngày khai giảng, tết trung thu, <b>tết môn</b> .. qua trò chuyện, tranh ảnh.                                                                                                                                                        | * 3,4,5 tuổi.<br>- Tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.<br>* 4,5 tuổi<br>- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương đất nước. ( <b>Tết môn, tết nguyên đán, ngày khai giảng, tết trung thu ...</b> ). | - Cờ tổ quốc                                                                                                                                              | 1,6,7,9 |  |
| 137. |   | - Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương .                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                           | 9       |  |
| 138. | 4 | - Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội . ( <b>Tết môn, tết nguyên đán, ngày khai giảng, tết trung thu ...</b> ).                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                           | 1,6,7,9 |  |
| 139. |   | - Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.<br>- <b>Trẻ biết đặc điểm công dụng của 1 số phương tiện giao thông và phân biệt theo 1-2 dấu hiệu.</b>                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                           | 9       |  |
| 140. | 5 | - Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội . <b>Tết môn, tết nguyên đán, ngày khai giảng, tết trung thu ...</b> . ví dụ nói: "Ngày quốc khánh ( ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên". |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | - Trẻ thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình<br>- Trẻ biết đặc điểm công dụng của 1 số phương tiện giao thông và phân biệt theo 1-2 dấu hiệu | 1,7,9   |  |
| 141. |   | Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương , đất nước<br>- <b>Trẻ thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình</b><br>- <b>Trẻ biết đặc điểm công dụng của 1 số phương</b>                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                           | 9       |  |

|                                        |   |                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                            |                   |  |
|----------------------------------------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--|
|                                        |   | tiện giao thông và phân biệt theo 1-2 dấu hiệu.                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                            |                   |  |
| <b>3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ</b> |   |                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                            |                   |  |
| 142.                                   | 3 | - Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: "Cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ"                                                                                                   | * 3, 4, 5t<br>- Hiểu và làm theo (yêu cầu đơn giản; được 2-3 yêu cầu; được 2-3 yêu cầu liên tiếp)<br>- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.<br>- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.<br>- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng giao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với lứa tuổi. | - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động hiện tượng đơn giản, gần gũi quen thuộc với trẻ | 1,2,3,4,6,8,9     |  |
| 143.                                   |   | - Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát, gần gũi với trẻ : quần áo, đồ chơi, hoa, quả...                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                            | 1,3,4,5,6,9       |  |
| 144.                                   |   | - Trẻ biết lắng nghe và trả lời được 1 số câu hỏi đơn giản của người đối thoại.                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                            | 2,3,5,6,7,8       |  |
| 145.                                   | 4 | - Trẻ thực hiện được 1, 2 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng".                                                                     | * 4, 5t<br>- Nghe hiểu nội dung các câu phức                                                                                                                                                                                                                                                                            | - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các biểu cảm.                                          | 2,3,4,5,7         |  |
| 146.                                   |   | - Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                            | 1,3,4,5,6,9       |  |
| 147.                                   |   | - Trẻ lắng nghe và trao đổi với người đối thoại                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                            | 6,7,8             |  |
| 148.                                   | 5 | - Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: "Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng trước bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái" |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | - Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa                                                                     | 1,3,5,7,8         |  |
| 149.                                   |   | - Trẻ hiểu nghĩa 1 số từ khái quát: PTGT, động vật, thực vật, đồ dùng ( đồ dùng trong gia đình, đồ dùng học tập . . . )                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                            | 1,2,3,4,5,6,7,8,9 |  |
| 150.                                   |   | - Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                            | 2,4,8             |  |

|      |   |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                     |             |  |
|------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--|
|      |   | người đối thoại.                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                     |             |  |
| 151. | 3 | - Trẻ nói rõ các tiếng<br>+ Trẻ có thể hiểu và sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày.          | * 3, 4, 5t<br>- Phát âm các tiếng (Của tiếng Việt; Có chứa các âm khó; Có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.<br>- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân (bằng các câu đơn, mở rộng; câu ghép; rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau) | - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ<br>- Kể lại sự việc đã diễn ra đơn giản hàng ngày trong đời sống sinh hoạt của trẻ dưới sự hướng dẫn của cô | 5,7,9       |  |
| 152. |   | - Trẻ biết sử dụng được 1 số từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                     | 1,3,4,6,7   |  |
| 153. |   | - Trẻ biết sử dụng câu đơn, câu ghép.                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                     | 4,5,6,7,8,9 |  |
| 154. |   | - Trẻ kể lại 1 số sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: đi thăm ông bà, đi chơi, đi xem phim dưới sự hướng dẫn của cô |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                     | 2,3,4,6     |  |
| 155. |   | - Trẻ có khả năng đọc thuộc 1 số bài thơ, ca dao, đồng dao                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                     | 1,2,4,5,8   |  |
| 156. |   | - Trẻ có thể kể truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                     | 3,5,7,9     |  |
| 157. |   | - Trẻ biết bắt chước 1 số giọng nói của nhân vật trong truyện.                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                     | 3,5,6,8     |  |
| 158. |   | - Trẻ biết sử dụng các từ như: “Vâng ạ”, “Dạ”; “Thưa”... trong giao tiếp.                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                     | 1,2,3       |  |
| 159. |   | - Trẻ nói đủ nghe không nói lí nhí.                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                     | 2,4,5,      |  |
| 160. | 4 | - Trẻ nói rõ được để người nghe có thể hiểu được                                                                              | - Kể lại sự việc (Có nhiều tình tiết; theo trình tự)<br>* 4, 5t<br>- Đóng kịch theo sự hướng dẫn của cô                                                                                                                                                                                  | - Trả lời câu hỏi “Để làm gì?”                                                                                                                      | 1,6,7,9     |  |
| 161. |   | - Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...                                                                 | * 3, 4t<br>- Trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai”                                                                                                                                                                                                                                            | - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh                                                                                                               | 2,3,4,6,7   |  |
| 162. |   | - Trẻ biết sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                     | 5,6,8,9     |  |
| 163. |   | - Trẻ biết kể lại sự việc                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                     | 2,3,6,9     |  |

|      |   |                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                       |               |  |  |
|------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--|--|
|      |   | theo trình tự.                                                                                                             | ; “ Cái gì” ; “ Ở đâu” ; “ Khi nào?”<br>- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.                                                                                                                                                                                         |               |  |  |
| 164. |   | - Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1,2,3,4,5,7,8 |  |  |
| 165. |   | - Trẻ biết kể lại truyện có mở đầu, kết thúc                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3,6,9         |  |  |
| 166. |   | - Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5,6,8         |  |  |
| 167. |   | - Trẻ biết sử dụng các từ như: “Mời cô”, “Mời bạn”, : “Cảm ơn”, “Xin lỗi”,... trong giao tiếp                              |                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1,2,3         |  |  |
| 168. |   | - Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2,4,5,9       |  |  |
| 169. | 5 | - Trẻ kể có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.                                         | - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "Tại sao?" ; "Có gì giống nhau?"; "Có gì khác nhau?"; "Do đâu mà có?"<br>- Đặt các câu hỏi: “tại sao?”, “như thế nào?”, “làm bằng gì?”<br>- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng<br>- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh | 5,6,7,9       |  |  |
| 170. |   | - Trẻ sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh.                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5,4,6         |  |  |
| 171. |   | - Trẻ biết dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2,5,6,8       |  |  |
| 172. |   | - Trẻ biết miêu tả sự việc với 1 số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái,... của nhân vật                         |                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2,3,6         |  |  |
| 173. |   | - Trẻ đọc biểu cảm bài thơ ca dao, đồng dao                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1,3,4,8       |  |  |
| 174. |   | - Trẻ kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện |                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3,6,9         |  |  |
| 175. |   | - Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5,8           |  |  |
| 176. |   | - Trẻ biết sử dụng các                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                       |               |  |  |

|      |   |                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                |           |  |
|------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
|      |   | từ: " Cảm ơn"; " xin lỗi"; "Xin phép"; " thưa"; "ạ"; "vâng"...phù hợp với tình huống                           |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                | 1,3       |  |
| 177. |   | - Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                | 2,4       |  |
| 178. | 3 | - Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh                                         | * 3, 4, 5t<br>- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: Đường cho người đi bộ...) <b>đi theo bên phải sát vào lề đường</b>                                                                     | - Tiếp xúc với chữ, sách truyện<br>- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và " đọc" truyện. | 7,8,9     |  |
| 179. |   | - Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                | 4,6,7,8,9 |  |
| 180. |   | - Thích vẽ, "viết" nguệch ngoạc                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                | 1,4,7,8,9 |  |
| 181. | 4 | - Trẻ biết chọn sách <b>gần gũi</b> để xem                                                                     | - Xem và nghe đọc các loại sách <b>truyện gần gũi với trẻ</b><br>- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:<br>+ Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, dòng trên xuống dòng dưới<br>+ Hướng viết của các nét chữ <b>đọc ngắt nghỉ sau các dấu theo sự hướng dẫn của cô</b> |                                                                                                | 4,5,8     |  |
| 182. |   | - Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                | 8         |  |
| 183. |   | - Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”). |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                | 1,4,8,9   |  |
| 184. |   | - Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..                     |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                | 1,3,4     |  |
| 185. |   | - Trẻ sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                | 7,9       |  |
| 186. | 5 | - Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem                                                                           | - Giữ gìn sách<br>* 4, 5t<br>- Tập tô đồ các nét chữ<br>- Nhận dạng (Một số chữ cái, các chữ cái)<br>- Phân biệt phần                                                                                                                                                     | - Sao chép một số ký hiệu, chữ cái tên của mình                                                | 4,6,8     |  |
| 187. |   | - Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                | 6,8       |  |
| 188. |   | - Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.                   |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                | 8,9       |  |

|      |   |                                                                                                                |                                                                                                                                                                     |  |         |  |
|------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------|--|
| 189. |   | - Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra – vào, cấm lửa, biển báo giao thông,... | mở đầu, kết thúc của sách <b>theo sự hướng dẫn của cô</b><br>- “Đọc truyện qua tranh vẽ”                                                                            |  | 1,3,4   |  |
| 190. |   | - Trẻ nhận dạng chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.                                                         | - Bảo vệ sách<br>- <b>Nhận biết một số trạng thái cảm xúc ( Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc</b> |  | 3,5,7,9 |  |
| 191. |   | - Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.                                 |                                                                                                                                                                     |  | 4,6,9   |  |
| 192. | 5 | *Trẻ nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi                    | - Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động                                                                                                     |  | 2       |  |
| 193. |   | *Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động                                        | - Biết cách khởi sự cuộc trò chuyện                                                                                                                                 |  | 7       |  |
| 194. |   | *Trẻ biết cách khởi sự cuộc trò chuyện                                                                         | - Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói                                                                        |  | 7       |  |
| 195. |   | *Trẻ biết hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói           | - Không nói tục, chửi bậy                                                                                                                                           |  | 2       |  |
| 196. |   | *Trẻ không nói tục, chửi bậy                                                                                   | - Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh                                                                                                           |  | 1,4     |  |
| 197. |   | *Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh                                                   | - Thể hiện sự thích thú với sách                                                                                                                                    |  | 7,9     |  |
| 198. |   | *Trẻ biết thể hiện sự thích thú với sách                                                                       | - Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói                                                                                                                      |  | 9       |  |
| 199. |   | *Trẻ biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói                                                              | - Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân                                                               |  | 9       |  |
| 200. |   | *Trẻ biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân       |                                                                                                                                                                     |  |         |  |

| 4. Lĩnh vực phát triển tình cảm xã hội |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                            |  |  |                                                                                                                |
|----------------------------------------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 201.                                   | 3 | - Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | * 3,4 tuổi<br>- Tên, tuổi, giới tính của bản thân (bạn trai , bạn gái)<br>* 4,5 tuổi<br>- Sở thích, khả năng của bản thân. |  |  | - Ứng xử phù hợp với giới tính ( Biết tự đi vệ sinh, thay quần áo, ...)<br>- Những điều bé thích, không thích. |
| 202.                                   |   | - Trẻ nói được điều bé thích, không thích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                            |  |  |                                                                                                                |
| 203.                                   | 4 | - Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, địa chỉ của bản thân, tên bố, mẹ.                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                            |  |  |                                                                                                                |
| 204.                                   |   | - Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được<br>- Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính (Bạn trai nhường bạn gái, biết tự đi vệ sinh thay quần áo nơi kín đáo, chú ý các động tác khi mặc váy,...)<br>- Trẻ nói được sở thích (Ăn uống, các hoạt động...) khả năng của bản thân (Có thể làm được gì, không thể làm được gì..) |                                                                                                                            |  |  |                                                                                                                |
| 205.                                   | 5 | - Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà điện thoại.                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                            |  |  | - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác<br>- Vị trí và trách nhiệm của bản.                          |
| 206.                                   |   | - Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                            |  |  |                                                                                                                |

|      |   |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                               |   |                 |
|------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-----------------|
|      |   |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                       | thân<br>trong gia<br>đình và<br>lớp học<br>- Một số<br>quy định<br>ở lớp và<br>gia đình<br>được<br>giao(kê<br>bàn, để<br>đồ dùng,<br>đồ chơi<br>đúng<br>chỗ). |   |                 |
| 207. |   | - Trẻ nói được mình<br>có điểm gì giống và<br>khác bạn (Dáng vẻ<br>bề ngoài, giới tính<br>và sở thích và khả<br>năng) |                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                               | 2 |                 |
| 208. |   | - Trẻ biết mình là<br>con/ cháu /anh chị<br>anh chị /em trong<br>gia đình.                                            |                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                               | 3 |                 |
| 209. |   | - Trẻ biết vâng lời,<br>giúp đỡ bố mẹ, Cô<br>giáo những việc vừa<br>sức                                               |                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                               | 3 |                 |
| 210. | 3 | - Trẻ mạnh dạn<br>tham gia vào các<br>hoạt động, mạnh<br>dạn khi trả lời câu<br>hỏi                                   | *3,4,5t<br>- Nhận biết một số trạng<br>thái cảm xúc (vui, buồn,<br>sợ hãi, tức giận, ngạc<br>nhiên, xấu hổ) qua nét<br>mặt, cử chỉ, giọng nói,<br>tranh ảnh, âm nhạc. |                                                                                                                                                               |   | 1,3,6,7<br>,8   |
| 211. |   | - Trẻ biết cố gắng<br>thực hiện công việc<br>đơn giản được giao<br>(chia giấy vẽ, xếp<br>đồ chơi...)                  | - Kính yêu Bác Hồ<br>- Quan tâm đến cảnh<br>đẹp, lễ hội của quê<br>hương, đất nước.                                                                                   |                                                                                                                                                               |   | 1,3,6,7<br>,8,9 |
| 212. |   | - Trẻ tự chọn đồ<br>chơi, trò chơi theo ý<br>thích                                                                    | * 4,5 tuổi<br>- Quan tâm đến di tích<br>lịch sử ( Đồi A 1, Hầm<br>đờ cát, tượng đài, tết<br>mông có ném pao, quay<br>cù)                                              |                                                                                                                                                               |   | 1,3,6,8         |
| 213. | 4 | - Trẻ biết cố gắng<br>hoàn thành công<br>việc được giao<br>(Trực nhật, dọn vệ                                         |                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                               |   | 1,3,6,7<br>,8,9 |

|      |   |                                                                                                             |                                                                                                                  |                                               |  |           |
|------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--|-----------|
|      |   | sinh)                                                                                                       | * 3,4 tuổi                                                                                                       |                                               |  |           |
| 214. | 5 | - Trẻ tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi                               | - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình | - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. |  | 1,3,6,7,9 |
| 215. |   | - Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao                                                             |                                                                                                                  | - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.             |  | 1,3,6,7   |
| 216. | 3 | - Trẻ nhận ra cảm xúc: Vui buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói qua tranh ảnh.                     |                                                                                                                  |                                               |  | 2         |
| 217. |   | - Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.                                                     |                                                                                                                  |                                               |  | 2         |
| 218. |   | - Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.                                                                              |                                                                                                                  |                                               |  | 9         |
| 219. |   | - Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.                                     |                                                                                                                  |                                               |  | 9         |
| 220. | 4 | - Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh ảnh. |                                                                                                                  |                                               |  | 2         |
| 221. |   | - Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên                                  |                                                                                                                  |                                               |  | 2         |
| 222. |   | - Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.                                                                 |                                                                                                                  |                                               |  | 9         |
| 223. | 4 | - Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.                  |                                                                                                                  |                                               |  | 9         |
| 224. |   | - Trẻ biết một vài                                                                                          |                                                                                                                  |                                               |  | 9         |

|      |   |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                    |                                                                 |       |
|------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-------|
|      |   | cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước( <b>địa phương</b> )                                                                                                |                                                                                                                                    |                                                                 |       |
| 225. | 5 | - Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh ảnh qua nét mặt. Cử chỉ, giọng nói của người khác. |                                                                                                                                    | - Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác | 2     |
| 226. |   | - Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ                                                                                  |                                                                                                                                    | trong các tình huống khác nhau.                                 | 2     |
| 227. |   | - Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè                                                                                                        |                                                                                                                                    | - Mỗi quan hệ                                                   | 2     |
| 228. |   | - Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)                                                       |                                                                                                                                    | giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác                  | 9     |
| 229. |   | - Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.                                                                   |                                                                                                                                    | - Quan tâm đến di tích lịch sử                                  |       |
| 230. |   | - Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.                    |                                                                                                                                    |                                                                 | 3,9   |
| 231. | 3 | - Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh                                                      | * 3,4,5T<br>- Một số quy định ở lớp và gia đình nơi công cộng (Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn , khi ngủ; đi bên phải | - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn).                   | 1,3,5 |

|      |   |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                          |                                                                                                                                                  |  |             |
|------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------|
|      |   | giành đồ chơi, vâng lời cha mẹ.                                                                                                                                                                                                    | lễ đường)<br><b>- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình (Vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị khi muốn đi chơi)</b> | - Chơi hoà thuận với bạn.                                                                                                                        |  |             |
| 232. |   | - Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở..                                                                                                                                                                 |                                                                                                                          |                                                                                                                                                  |  | 1,3,5       |
| 233. |   | - Trẻ biết chú ý lắng nghe khi cô, bạn nói                                                                                                                                                                                         | - Hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”( Nhận biết, phân biệt, nhận xét)<br>*4,5T                                          |                                                                                                                                                  |  | 1,4,5       |
| 234. |   | - Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.                                                                                                                                                                 | - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép( lịch sự)<br>*3,4T                                   |                                                                                                                                                  |  | 3,4,5,6,8,9 |
| 235. | 4 | - Trẻ thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà cha mẹ.                                                                                   | - Hợp tác<br>- Quan tâm, giúp đỡ bạn<br>* 3,4T<br>- Chờ đến lượt                                                         | <b>- Biết thực hiện công việc được giao để cùng thực hiện hoạt động chung (Kê bàn, xếp ghế, kê giátl giường, xếp dọn đồ chơi, trực nhật,...)</b> |  | 1,3,5       |
| 236. |   | - Trẻ biết nói lời cảm ơn xin lỗi, chào hỏi lễ phép                                                                                                                                                                                |                                                                                                                          |                                                                                                                                                  |  | 1,4,5,7     |
| 237. |   | - Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                          |                                                                                                                                                  |  | 1,4,7       |
| 238. |   | - Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                          |                                                                                                                                                  |  | 4,7         |
| 239. |   | - Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung( Chơi, trực nhật...) <b>Trẻ biết thực hiện công việc được giao để cùng thực hiện hoạt động chung ( kê bàn, xếp ghế, kê giátl giường, xếp dọn đồ chơi</b> |                                                                                                                          |                                                                                                                                                  |  | 4,5,7,9     |
| 240. |   | - Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất                                                                                                                                       |                                                                                                                          | - Tôn trọng, chấp nhận<br>- Chia sẻ với bạn                                                                                                      |  |             |

|      |   |                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |         |
|------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------|
|      |   | đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  | 1,3,5   |
| 241. | 5 | - Trẻ biết nói lời cảm ơn xin lỗi, chào hỏi lễ phép                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  | 1,5     |
| 242. |   | - Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  | 1,4,7   |
| 243. |   | - Trẻ biết chờ đến lượt                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  | 1,3,5   |
| 244. |   | - Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  | 4,5     |
| 245. |   | - Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (Dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn)     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  | 5,9     |
| 246. | 3 | - Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây                                                          | * 3,4,5 tuổi<br>- Tiết kiệm điện, nước. (Khóa vòi nước sau khi rửa tay, rửa mặt,...)<br>- Giữ gìn vệ sinh môi trường. (Không xả rác, vứt rác bừa bãi, bỏ cành hái hoa...)<br>- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. (nhỏ cỏ tưới nước cho cây, không ngắt lá bẻ cành, bảo vệ những động vật quý hiếm...) |  | 4,6,8   |
| 247. |   | - Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  | 4,5,7,9 |
| 248. |   | - Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  | 4,6,8   |
| 249. |   | - Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  | 5       |
| 250. | 4 | -Trẻ không bẻ cành, bứt hoa                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  | 1,3,8   |
| 251. |   | - Trẻ không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng<br>- Trẻ biết khóa vòi nước sau khi rửa |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  | 5,8     |

|      |   |                                                                                                                      |  |                                                               |  |     |
|------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------------------------------------------------------|--|-----|
|      |   | tay, rửa mặt,..                                                                                                      |  |                                                               |  |     |
| 252. | 5 | - Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc                                                                         |  |                                                               |  | 6   |
| 253. |   | - Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định                                                                                  |  |                                                               |  | 5,7 |
| 254. |   | - Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường( Không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa)                   |  |                                                               |  | 6   |
| 255. |   | - Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng không để thừa thức ăn. |  |                                                               |  | 8   |
| 256. | 5 | * Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân                                                                 |  | - Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân                   |  | 2   |
| 257. |   | * Trẻ biết đề suất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của thân.                                                 |  | - Đề suất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của thân    |  | 7   |
| 258. |   | * Trẻ thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc                                                                 |  | - Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc.             |  | 7   |
| 259. |   | * Trẻ biết thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.                                               |  | - Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh. |  | 8   |
| 260. |   | * Trẻ biết kiềm chế                                                                                                  |  | - Biết                                                        |  |     |

|                                       |   |                                                             |         |                                                         |  |   |
|---------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------|--|---|
|                                       |   | cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích                 |         | kiểm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích    |  | 8 |
| 261.                                  |   | *Trẻ dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi                 |         | - Dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi                |  | 6 |
| 262.                                  | 5 | *Trẻ chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi        |         | - Trẻ chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi   |  | 9 |
| 263.                                  |   | *Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên                          |         | - Có nhóm bạn chơi thường xuyên                         |  | 7 |
| 264.                                  |   | * Trẻ thể hiện sự thân thiện đoàn kết với bạn bè.           |         | -Thể hiện sự thân thiện đoàn kết với bạn bè.            |  | 5 |
| 265.                                  | 5 | * Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác |         | - Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác |  | 8 |
| 266.                                  |   | *Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết   |         | - Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết       |  | 4 |
| <b>5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ</b> |   |                                                             |         |                                                         |  |   |
| 267.                                  |   | - Trẻ vui sướng vỗ                                          | * 3, 4t |                                                         |  |   |

|      |   |                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                       |  |  |           |
|------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-----------|
|      | 3 | tay, khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của sự vật, hiện tượng                                                                                                    | - Bộc lộ cảm xúc (phù hợp) khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, trong cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. |  |  | 1->9      |
| 268. |   | - Trẻ biết chú ý nghe, thích thú( hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư ) theo bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ, đồng giao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.                     |                                                                                                                                                                                       |  |  | 1->9      |
| 269. |   | - Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ <b>đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ</b> (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình. |                                                                                                                                                                                       |  |  | 3,4,6,7,9 |
| 270. | 4 | - Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.          |                                                                                                                                                                                       |  |  | 1->9      |
| 271. |   | - Trẻ biết chú ý nghe, thích thú ( hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc, thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.                   |                                                                                                                                                                                       |  |  | 1->9      |
| 272. |   | - Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                       |  |  | 3,4,7,8   |

|      |   |                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                  |  |             |
|------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------|
|      |   | gợi cảm của mình (về màu sắc, hình dáng...) của tác phẩm tạo hình.                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                  |  | ,9          |
| 273. | 5 | - Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng.                               |                                                                                                                                                                                                          | - Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát của địa phương, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. |  | 4,6,8,9     |
| 274. |   | - Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện. |                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                  |  | 1,3,5,7,8,9 |
| 275. |   | - Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của tác phẩm tạo hình.                                                                                    |                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                  |  | 1,2,6,8     |
| 276. | 3 | - Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.                                                                                                                                                            | * 3, 4, 5t<br>- Nghe (Các bài hát, bản nhạc(thiếu nhi, dân ca); nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca); nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (Nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca, nhạc cổ | - Sử dụng các nguyên vật liệu nguyên vật liệu sẵn có trong                                                                                                                                       |  | 1,3,5,7,9   |

|      |                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                           |  |               |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------|
|      |                                                                                              | <p>đền)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hát đúng giai điệu bài hát (thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.</li> <li>- Vận động (đơn giản theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc; nhịp nhàng theo giai điệu của các bài hát, bản nhạc; nhịp nhạc theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.)</li> <li>- Sử dụng các dụng cụ (nhạc cụ có ở địa phương) gõ đệm theo nhịp, phách (nhịp, tiết tấu)</li> </ul> | <p>thiên nhiên, địa phương (Hạt ngô, hạt đỗ, lá cây, rơm,...) để tạo ra các sản phẩm.</p> |  |               |
| 277. | - Trẻ biết vận động theo nhịp bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa) | - Nhận xét sản phẩm tạo hình (về màu sắc, hình dáng/đường nét bố cục)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                           |  | 2,3,4,5,6,7,8 |
| 278. | - Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu sẵn có ở địa phương để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. | * 4,5t<br>- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để ra các sản phẩm tạo hình.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                           |  | 2,3,5,6,9     |
| 279. | - Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.                      | * 3, 4t<br>- Sử dụng (một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm; các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm (có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét)                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                           |  | 1,2,6,7       |
| 280. | - Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                           |  | 1,3,5,6,7     |
| 281. | - Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 hoặc 2 khối     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                           |  | 1,6           |
| 282. | - Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                           |  | 4,7,8         |

|      |   |                                                                                                                                                                                                                     |  |  |         |
|------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|---------|
| 283. |   | - Trẻ nhận xét được một số sản phẩm tạo hình                                                                                                                                                                        |  |  | 2,4,9   |
| 284. | 4 | - Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...                                                                                                    |  |  | 1->9    |
| 285. |   | - Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa ).<br><b>Trẻ biết sử dụng các dụng cụ (nhạc cụ có ở địa phương) gõ đệm theo phách nhịp, tiết tấu.</b> |  |  | 1->9    |
| 286. |   | - Phối hợp các <b>nguyên vật liệu có sẵn trong thiên nhiên của địa phương</b> để tạo ra sản phẩm.                                                                                                                   |  |  | 1,2,6   |
| 287. |   | - Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc, bố cục.                                                                                                                |  |  | 3,5,7,9 |
| 288. |   | - Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong..và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.                                                                                                                          |  |  | 2,4,6   |
| 289. |   | - Trẻ biết làm lồm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.                                                                                                            |  |  | 6       |
| 290. |   | - Trẻ biết phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành                                                                                                                                                               |  |  | 2,4,7   |

|      |   |                                                                                                                                           |  |                                                                                                                              |  |         |
|------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------|
|      |   | các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.                                                                                             |  |                                                                                                                              |  |         |
| 291. |   | - Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.                                                               |  |                                                                                                                              |  | 4,6,9   |
| 292. | 5 | - Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...                   |  | - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm, tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.                                       |  | 1->9    |
| 293. |   | - Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức ( vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa). |  | - Lựa chọn, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.                                                                                 |  | 1->9    |
| 294. |   | - Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.                                    |  | - Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng / đường nét và bố |  | 2,4,6,8 |
| 295. |   | - Trẻ biết phối hợp với các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.                                         |  |                                                                                                                              |  | 1,5,7,9 |
| 296. |   | - Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.                                    |  |                                                                                                                              |  | 2,3,4,9 |
| 297. |   | - Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.                                                              |  |                                                                                                                              |  | 1,6,9   |
| 298. |   | - Trẻ biết phối hợp                                                                                                                       |  |                                                                                                                              |  |         |

|      |   |                                                                                               |                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                          |  |           |
|------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------|
|      |   | các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. |                                                                                                | cục.                                                                                                                                                                                                                                                     |  | 2,4,7,9   |
| 299. |   | - Trẻ biết nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dạng, bố cục                           |                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                          |  | 4,6,9     |
| 300. | 3 | -Trẻ biết vận động theo ý thích của các bài hát, bản nhạc quen thuộc                          | *3, 4, 5t<br>- Đặt tên cho sản phẩm của mình<br>* 4, 5t<br>- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình | - Vận động theo ý thích khi hát / nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.<br>- Phối hợp các nguyên vật liệu sẵn có trong thiên nhiên, địa phương (Hạt ngô, hạt đỗ, lá cây, rơm,...) để tạo ra các sản phẩm<br>- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích |  | 1,5,7,8,9 |
| 301. |   | - Trẻ tạo ra một số sản phẩm tạo hình theo ý thích.                                           |                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                          |  | 3,7,8,9   |
| 302. |   | - Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.                                                     |                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                          |  | 8,9       |
| 303. | 4 | - Lựa chọn điệu nhảy, múa đặc sắc của vùng miền và tự                                         |                                                                                                | - Lựa chọn thể hiện các                                                                                                                                                                                                                                  |  | 1,2,3,,   |

|      |  |                                                                                                       |  |                                                                                         |  |         |
|------|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------|--|---------|
|      |  | thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc..                                                  |  | hình thức vận động theo nhạc.                                                           |  | 6       |
| 304. |  | - Trẻ biết lựa chọn dụng cụ <b>gân gũ</b> để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.                 |  | - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.                            |  | 1,3,7   |
| 305. |  | Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.                                     |  | - Lựa chọn <b>điều nhảy, múa đặc sắc của vùng miền</b> thể hiện theo bài hát, bản nhạc. |  | 1,2,5,9 |
| 306. |  | - Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình                                                              |  | - Tự chọn dụng cụ <b>gân gũ</b> , nguyên vật liệu để tạo ra các sản phẩm theo ý thích   |  | 7,8,9   |
| 307. |  | - Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích |  | - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh,                                          |  | 1,2->7  |

|      |   |                                                                   |  |                                                                                                                                                                                                                                |  |       |
|------|---|-------------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------|
| 308. | 5 | - Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.             |  | vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.<br>- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (1 câu hoặc 1 đoạn).<br>- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. |  |       |
| 309. |   | Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. |  |                                                                                                                                                                                                                                |  | 3,7,8 |
| 310. |   | - Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình                          |  |                                                                                                                                                                                                                                |  | 5,9   |

**HIỆU TRƯỞNG**

**NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH**

**Vũ Thị Nhớ**

**Quàng Thị Mai**

## II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

| Thời gian                                | TT | Chủ đề                                        | Chủ đề nhánh                   | Số tuần | Lễ hội              | Điều chỉnh |
|------------------------------------------|----|-----------------------------------------------|--------------------------------|---------|---------------------|------------|
| <b>Từ ngày 15/09 đến 10/10/2025</b>      | 1  | Trường mầm non – Tết trung thu                | Trường mầm non                 | 1       | - Tết trung thu     |            |
|                                          |    |                                               | Lớp học của bé                 | 1       |                     |            |
|                                          |    |                                               | Đồ dùng đồ chơi của bé         | 1       |                     |            |
|                                          |    |                                               | Bé vui đón tết trung thu       | 1       |                     |            |
| <b>Từ ngày 13 đến 31/10/2025</b>         | 2  | Bản thân                                      | Bé giới thiệu về mình          | 1       |                     |            |
|                                          |    |                                               | Cơ thể kỳ diệu của bé          | 1       |                     |            |
|                                          |    |                                               | Bé cần gì để lớn lên khỏe mạnh | 1       |                     |            |
| <b>Từ ngày 03 đến 28/11/2025</b>         | 3  | Gia đình- Ngày hội của cô giáo                | Gia đình và họ hàng của bé     | 1       | - Ngày 20/11        |            |
|                                          |    |                                               | Ngôi nhà thân yêu của bé       | 1       |                     |            |
|                                          |    |                                               | Ngày hội của cô giáo           | 1       |                     |            |
|                                          |    |                                               | Đồ dùng trong gia đình         | 1       |                     |            |
| <b>Từ ngày 01/12/2025 đến 02/01/2026</b> | 4  | Ngành nghề - Ngày thành lập quân đội nhân dân | Nghề nông                      | 1       |                     |            |
|                                          |    |                                               | Nghề xây dựng                  | 1       |                     |            |
|                                          |    |                                               | Nghề dịch vụ                   | 1       |                     |            |
|                                          |    |                                               | Ngày thành lập QĐNDVN          | 1       |                     |            |
|                                          |    |                                               | Ước mơ của bé                  | 1       |                     |            |
| <b>Từ ngày 05 đến 30/01/2026</b>         | 5  | Thế giới động vật                             | Động vật nuôi trong GD         | 1       | Bé vui đón tết Mông |            |
|                                          |    |                                               | Động vật sống trong rừng       | 1       |                     |            |
|                                          |    |                                               | Bé vui đón tết Mông            | 1       |                     |            |
|                                          |    |                                               | Động vật sống dưới nước        | 1       |                     |            |

|                                              |   |                                                                |                                        |   |                       |  |
|----------------------------------------------|---|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---|-----------------------|--|
| <b>Từ ngày<br/>02/02 đến<br/>06/03/2026</b>  | 6 | Thế giới<br>thực vật-<br>Tết và<br>mùa xuân                    | Cây xanh người<br>bảo vệ trái đất      | 1 | - Tết nguyên<br>đán   |  |
|                                              |   |                                                                | Bé vui đón Tết                         | 1 |                       |  |
|                                              |   |                                                                | Một số loại hoa                        | 1 |                       |  |
|                                              |   |                                                                | Một số loại rau,<br>củ, quả            | 1 |                       |  |
| <b>Từ ngày<br/>09/03-&gt;<br/>03/04/2026</b> | 7 | Phương<br>tiện và<br>quy định<br>giao<br>thông-<br>Ngày 8/3    | Ngày hội 8/3                           | 1 | Ngày hội 8/3          |  |
|                                              |   |                                                                | PTGT đường bộ                          | 1 |                       |  |
|                                              |   |                                                                | PTGT đường<br>thủy                     | 1 |                       |  |
|                                              |   |                                                                | PTGT đường<br>hàng không               | 1 |                       |  |
| <b>Từ ngày 06<br/>đến<br/>24/04/2026</b>     | 8 | Nước và<br>các hiện<br>tượng tự<br>nhiên                       | Nước là nguồn<br>sống của con<br>người | 1 |                       |  |
|                                              |   |                                                                | Các hiện tượng<br>tự nhiên             | 1 |                       |  |
|                                              |   |                                                                | Mùa hè kỳ diệu                         | 1 |                       |  |
| <b>Từ ngày 04<br/>đến<br/>29/05/2026</b>     | 9 | QHĐN –<br>Bác Hồ -<br>Tết thiếu<br>nhi -<br>Trường<br>tiểu học | Bé yêu quê<br>hương- đất nước          | 1 | - Tổng kết<br>Năm học |  |
|                                              |   |                                                                | Bé vui đón Tết<br>thiếu nhi            | 1 |                       |  |
|                                              |   |                                                                | Bác Hồ kính yêu                        | 1 |                       |  |
|                                              |   |                                                                | Bé chuẩn bị vào<br>lớp 1               | 1 |                       |  |